

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ KINH DOANH SSM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ KINH DOANH SSM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SSM BUSINESS AND TRADING INVESTMENT LIMITED LIABILITY COMPANY

Tên công ty viết tắt: SSM BUSINESS AND TRADING INVESTMENT LLC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108553909

**3. Ngày thành lập:** 18/12/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà số 6, ngõ 143, phố Nguyễn Ngọc Vũ, Tập thể Trường Nghiệp tại chức, Tổ 29, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>(trừ các hoạt động: dịch vụ báo cáo Tòa án, đấu giá tài sản, lấy lại tài sản)                                | 8299        |
| 2.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                               | 5510        |
| 3.  | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                       | 8129        |
| 4.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo, quản lý bất động sản, tư vấn về bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn giá đất) | 6820        |
| 5.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                   | 6810(Chính) |
| 6.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                | 5621        |
| 7.  | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                    | 5629        |
| 8.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                       | 4690        |
| 9.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                               | 7310        |
| 10. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                               | 8230        |
| 11. | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                                                                        | 9311        |
| 12. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                           | 9321        |
| 13. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                 | 4102        |
| 14. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                       | 4229        |
| 15. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                              | 4299        |
| 16. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                          | 4330        |
| 17. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                   | 7912        |
| 18. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                           | 4610        |
| 19. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                       | 4101        |
| 20. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                   | 8130        |
| 21. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                | 7020        |
| 22. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                          | 7911        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.827.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên                       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                        | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN LAN VIỆT   | Số 53E, ngõ 55, ngách 55/24, đường Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 609.000.000.000       | 33,400    | 0106468687                                                                                                                                        |         |
| 2   | CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN HOA PHƯỢNG | Số 7, xóm Chùa, tổ 15, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                      | 609.000.000.000       | 33,300    | 0106415501                                                                                                                                        |         |
| 3   | CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN ANH ĐÀO    | Số 151, ngõ 189 Hoàng Hoa Thám, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | 609.000.000.000       | 33,300    | 0106415773                                                                                                                                        |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐINH HỒNG MINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 26/12/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012636960

Ngày cấp: 18/02/2004

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 43, Tổ 4, Phố Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 43, Tổ 4, Phố Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội